

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI LONG QUANG MINH

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI LONG QUANG MINH

Tên công ty viết bằng tiếng Anh: LONG QUANG MINH TRADE INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108728771

3. Ngày thành lập: 07/05/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Địa chỉ: Số 3, thôn Kieu K, Xã Kieu K, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: - Bán buôn than và nhiên liệu rắn khác - Bán buôn dầu thô - Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan - Bán buôn khí tự nhiên và các sản phẩm liên quan	4661(Chính)
2.	Bán lẻ nhiên liệu lỏng trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
3.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế Chi tiết: - Sản xuất nhiên liệu: xăng, dầu, ... - Sản xuất nhiên liệu: Dầu nhiên liệu, nhớt, trung bình, khí tinh chế như etan, propan, butan, ... - Sản xuất dầu mỏ bị xử lý để dùng, kể cả dầu thô; - Sản xuất các sản phẩm cho ngành hóa dầu và cho ngành sản xuất chất dẻo; - Sản xuất các sản phẩm khác: cặn, var, sáp paraffin, nhựa... - Sản xuất than bột, than non, than cốc; - Sản xuất bột than; - Trộn nhiên liệu sinh học, tức là trộn các nhiên liệu khác.	1920
4.	Chế biến dầu, mỡ và sản xuất giấy, bột giấy, bột	0141
5.	Chế biến gỗ, giấy, bột giấy và sản xuất giấy, bột giấy, bột	0142
6.	Chế biến dầu, mỡ và sản xuất giấy, bột giấy, bột	0144
7.	Chế biến gỗ và sản xuất giấy, bột giấy	0145
8.	Chế biến gia cầm	0146

9.	Ch n nu i kh c Chi ti t: - Nu i và t o gi ng c c con v t nu i trong nhà, c c con v t nu i kh c k c c c con v t c nh (tr c c nh): ch , mèo, th , bò sát, côn trùng; - Nu i ong, nh n gi ng ong và s n xu t m t ong; - Nu i t m, s n xu t k n t m; - S n xu t da l ng th , da b s t t ho t ng ch n nu i.	0149
10.	Tr ng tr t, ch n nu i h n h p	0150
11.	Ho t ng d ch v tr ng tr t	0161
12.	Ho t ng d ch v ch n nu i	0162
13.	Ho t ng d ch v sau thu ho ch	0163
14.	X l h t gi ng nh n gi ng	0164
15.	Tr ng l a	0111
16.	Tr ng ng và c y l ng th c c h t kh c	0112
17.	Tr ng c y l y c c ch t b t	0113
18.	Tr ng c y m a	0114
19.	Tr ng c y thu c l , thu c Lào	0115
20.	Tr ng c y l y s i	0116
21.	Tr ng c y c h t ch a d u	0117
22.	Tr ng rau, u c c lo i và tr ng hoa	0118
23.	Tr ng c y hàng n m kh c	0119
24.	Tr ng c y n qu	0121
25.	Tr ng c y l y qu ch a d u	0122
26.	Tr ng c y i u	0123
27.	Tr ng c y h ti u	0124
28.	Tr ng c y cao su	0125
29.	Tr ng c y cà ph	0126
30.	Tr ng c y chè	0127
31.	Tr ng c y gia v , c y d c li u, c y h ng li u l u n m	0128
32.	Tr ng c y l u n m kh c	0129
33.	Nh n và ch m s c c y gi ng hàng n m	0131
34.	Nh n và ch m s c c y gi ng l u n m	0132
35.	Tr ng r ng, ch m s c r ng và m gi ng c y l m nghi p	0210
36.	Khai th c g	0220
37.	Khai th c l m s n kh c tr g	0231
38.	Thu nh t l m s n kh c tr g	0232
39.	Ho t ng d ch v l m nghi p	0240
40.	Khai th c thu s n bi n	0311
41.	Khai th c thu s n n i a	0312
42.	Nu i tr ng thu s n bi n	0321

43.	Nu i tr ng thu s n n i a	0322
44.	S n xu t ho ch t c b n	2011
45.	S n xu t ph n b n và h p ch t n i t	2012
46.	S n xu t thu c tr s u và s n ph m ho ch t kh c d ng trong n ng nghi p	2021
47.	Ch bi n, b o qu n th t và c c s n ph m t th t	1010
48.	Ch bi n, b o qu n thu s n và c c s n ph m t thu s n	1020
49.	S n xu t d u, m ng, th c v t	1040
50.	Ch bi n s a và c c s n ph m t s a	1050
51.	S n xu t m n n, th c n ch bi n s n	1075
52.	S n xu t th c n gia s c, gia c m và thu s n	1080
53.	B n l thu c, d ng c y t , m ph m và v t ph m v sinh trong c c c a hàng chuy n doanh	4772
54.	i l , m i gi i, u gi hàng h a Chi ti t: - i l b n hàng h a - M i gi i mua b n hàng h a (Tr ho t ng u gi)	4610
55.	B n bu n n ng, l m s n nguy n li u (tr g , tre, n a) và ng v t s ng	4620
56.	B n bu n g o, l a m , h t ng c c kh c, b t m	4631
57.	B n bu n th c ph m	4632
58.	B n bu n u ng	4633
59.	B n bu n s n ph m thu c l , thu c Lào	4634
60.	B n bu n v i, hàng may m c, giày d p	4641
61.	B n bu n d ng kh c cho gia nh Chi ti t: - B n bu n vali, c p, t i, v , hàng da và gi da kh c - Kinh doanh thu c, nguy n li u làm thu c - B n bu n n c hoa, hàng m ph m và ch ph m v sinh - B n bu n hàng g m, s , th y tinh - B n bu n i n gia d ng, èn và b èn i n - B n bu n gi ng, t , bàn gh và d ng n i th t t ng t - B n bu n s ch, b o, t p ch , v n ph ng ph m - B n bu n d ng c th d c, th thao - B n bu n d ng kh c cho gia nh ch a c ph n vào u	4649
62.	B n bu n m y m c, thi t b và ph t ng m y n ng nghi p	4653

63.	B n bu n m y m c, thi t b và ph t ng m y kh c Chi ti t: - B n bu n m y m c, thi t b và ph t ng m y khai kho ng, x y d ng - B n bu n m y m c, thi t b i n, v t li u i n (m y ph t i n, ng c i n, d y i n và thi t b kh c d ng trong m ch i n) - B n bu n m y m c, thi t b và ph t ng m y d t, may, da giầy - B n bu n m y m c, thi t b và ph t ng m y v n ph ng (tr m y vi t nh và thi t b ngo i vi) - B n bu n m y m c, thi t b y t - B n bu n m y m c, thi t b và ph t ng m y kh c ch a c ph n vào u	4659
64.	B n bu n chuy n doanh kh c ch a c ph n vào u Chi ti t: - B n bu n ho ch t c ng nghi p nh : Anilin, m c in, tinh d u, kh c ng nghi p, keo ho h c, ch t màu, nh a t ng h p, methanol, parafin, d u th m và h ng li u, s a, mu i c ng nghi p, ax t và l u hu nh,...; - B n bu n ph n b n và s n ph m n ng h a; - B n bu n ch t d o d ng nguy n sinh; - Bán buôn cao su; - B n bu n s i d t...; - B n bu n b t gi y; - B n bu n qu ; - B n bu n ph li u, ph th i kim lo i/phi kim lo i	4669
65.	B n bu n t ng h p	4690
66.	B n l l ng th c, th c ph m, u ng, thu c l , thu c lão chi m t tr ng l n trong c c c a hàng kinh doanh t ng h p	4711
67.	B n l kh c trong c c c a hàng kinh doanh t ng h p Chi ti t: - B n l trong si u th (Supermarket) - B n l trong c a hàng ti n l i (Minimarket) - B n l trong c a hàng kinh doanh t ng h p kh c	4719
68.	B n l l ng th c trong c c c a hàng chuy n doanh	4721
69.	B n l th c ph m trong c c c a hàng chuy n doanh	4722
70.	B n l u ng trong c c c a hàng chuy n doanh	4723
71.	B n l s n ph m thu c l , thu c lão trong c c c a hàng chuy n doanh	4724
72.	B n l v i, len, s i, ch kh u và hàng d t kh c trong c c c a hàng chuyên doanh Chi ti t: - B n l v i trong c c c a hàng chuy n doanh - B n l len, s i, ch kh u và hàng d t kh c trong c c c a hàng chuyên doanh	4751

73.	B n l ng kim, s n, k nh và thi t b l p t kh c trong x y d ng trong c c c a hàng chuy n doanh Chi ti t: - B n l ng kim trong c c c a hàng chuy n doanh - B n l s n, màu, v c ni trong c c c a hàng chuy n doanh - B n l k nh x y d ng trong c c c a hàng chuy n doanh - B n l xi m ng, g ch x y, ng i, , c t s i, s t th p và v t li u x y d ng kh c trong c c c a hàng chuy n doanh - B n l g ch p l t, thi t b v sinh trong c c c a hàng chuy n doanh - B n l thi t b l p t kh c trong x y d ng trong c c c a hàng chuyên doanh	4752
74.	B n l th m, m, ch n, màn, rèm, v t li u ph t ng và sản trong c c c a hàng chuy n doanh	4753
75.	B n l hàng h a kh c m i trong c c c a hàng chuy n doanh Chi ti t: - B n l hoa, c y c nh, c c nh, chim c nh, v t nu i c nh trong c c c a hàng chuy n doanh - B n l vàng trang s c - B n l hàng l u ni m, hàng an l t, hàng th c ng m ngh trong c c c a hàng chuy n doanh - B n l tranh, nh và c c t c ph m ngh thu t kh c (tr c) trong c c c a hàng chuy n doanh - B n l ng h , k nh m t trong c c c a hàng chuy n doanh - B n l m y nh, phim nh và v t li u nh trong c c c a hàng chuyên doanh - B n l hàng h a kh c m i ch a c ph n vào u trong c c c a hàng chuy n doanh (Tr kinh doanh vàng mi ng và vàng nguy n li u)	4773
76.	B n l hàng h a qua s d ng trong c c c a hàng chuy n doanh (Tr ho t ng u gi)	4774
77.	B n l l ng th c, th c ph m, u ng, thu c l , thu c lão l u ng ho c t i ch	4781
78.	B n l thi t b gia nh kh c l u ng ho c t i ch Chi ti t: - B n l ng kim, s n, k nh và thi t b l p t kh c trong x y d ng l u ng ho c t i ch - B n l th m, m, ch n, màn, rèm, v t li u ph t ng và sản l u ng ho c t i ch - B n l i ng gia d ng, gi ng, t , bàn, gh và n i th t t ng t , èn và b èn i n, d ng gia nh kh c ch a c ph n vào u l u ng ho c t i ch	4784

79.	B n l hàng h a kh c l u ng ho c t i ch Chi ti t: - B n l m ph m và v t ph m v sinh l u ng ho c t i ch - B n l hàng g m s , th y tinh l u ng ho c t i ch - B n l hoạt i, c y c nh l u ng ho c t i ch - B n l hàng l u ni m, hàng an l t, hàng th c ng m ngh l u ng ho c t i ch - B n l ngh , k nh m t l u ng ho c t i ch - B n l xe p và ph t ng l u ng ho c t i ch - B n l hàng h a qua s d ng l u ng ho c t i ch	4789
80.	B n l h nh th c kh c ch a c ph n vào u Chi ti t: - B n l c c lo i hàng h a b ng ph ng th c kh c ch a k tr n nh : b n tr c ti p ho c chuy n ph t theo a ch ; b n th ng qua m y b n hàng t ng...; - B n tr c ti p nhi n li u (đ u t, g nhi n li u), giao tr c ti p t i t n nhà ng i s d ng; - B n l c a c c i l h ng hoa h ng (ngoài c a hàng). (Tr ho t ng u gi)	4799
81.	Ho t ng d ch v h tr kinh doanh kh c c n l i ch a c ph n vào u Chi ti t: - Xu t nh p kh u c c m t hàng c ng ty kinh doanh	8299
82.	X y d ng c ng tr nh c p, tho t n c Chi ti t: Khoan ngu n n c.	4222
83.	Khai th c, x l và cung c p n c	3600
84.	Tho t n c và x l n c th i	3700

6. Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VNĐ

M nh gi c ph n:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 5.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ CUNG CẤP QUẢN LÝ SỬ DỤNG XANH	i 3, th n Ki u K , X Ki u K , Huy n Gia L m, Thành ph Hà N i, Vi t Nam	C ph n ph thông	2.050.000	20.500.000.000	41,000	0104916372	
			T ng s	2.050.000	20.500.000.000	41,000		

Th i gian ng t ngày 07/05/2019 n ngày 06/06/2019

2	B I V N LONG	Thôn 10, Xã Th ch Hoà, Huy n Th ch Th t, Thành ph Hà N i, Vi t Nam	C ph n ph thông	250.000	2.500.000.000	5,000	0010690110 90	
			T ng s	250.000	2.500.000.000	5,000		
3	QUANG	T 17 c m 2, Ph ng Xu n La, Qu n T y H , Thành ph Hà N i, Vi t Nam	C ph n ph thông	250.000	2.500.000.000	5,000	0330950000 20	
			T ng s	250.000	2.500.000.000	5,000		
4	TR NH XU N MINH	S 01/296/35A T 11B, Ph ng Mai ng, Qu n Hoàng Mai, Thành ph Hà N i, Vi t Nam	C ph n ph thông	2.450.0 00	24.500.000.000	49,000	012118858	
			T ng s	2.450.0 00	24.500.000.000	49,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	--	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* H và t n: PHAN THANH HUY N

Gi i t nh: Nữ

Ch c danh: Giám đốc

Sinh ngày: 04/06/1969

D n t c: Kinh

Qu c t ch: Việt Nam

Lo i gi y t ch ng th c c nh n: Thẻ căn cước công dân

S gi y ch ng th c c nh n: 001169010323

Ngày c p: 22/05/2017

N i c p: Cục cảnh sát ĐKQL và DLQG về dân cư

N i ng k h kh u th ng tr : Thôn 5, Xã Xuân Quan, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Ch hi n t i: Thôn 5, Xã Xuân Quan, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Ph ng ng k kinh doanh Thành ph Hà N i